

Số: 32 /2018/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2018

**SỐ TƯ PHÁP**

Số: 2607  
Ngày: 03/8/18  
Chuyên:

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho Chương trình Sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018 đến năm 2020.**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

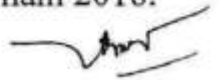
*Căn cứ Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 7 Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình Sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018 đến năm 2020;*

*Theo đề nghị của Sở Y tế.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho Chương trình Sửa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018 đến năm 2020 để triển khai thực hiện Quyết định số 1340/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: Y tế, GD&ĐT, Tài chính, LĐTB&XH (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT. Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, K15.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Quốc Dũng**

## QUY ĐỊNH

**Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí  
cho Chương trình Sữa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non  
trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018 đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 20 /7/2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức hỗ trợ kinh phí mua sữa để thực hiện Chương trình Sữa học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Định từ năm 2018 đến năm 2020 (sau đây gọi là Chương trình).

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Trẻ em trong độ tuổi từ 3 đến 5 tuổi đang theo học mẫu giáo tại các cơ sở giáo dục mầm non được quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập theo quy định trên địa bàn tỉnh Bình Định (sau đây gọi chung là đối tượng).

2. Các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Bình Định.

### **Điều 3. Nguyên tắc và điều kiện thực hiện**

1. Thực hiện đối với các cơ sở giáo dục mầm non đủ điều kiện triển khai Chương trình theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Gia đình các đối tượng tự nguyện tham gia Chương trình và đóng góp kinh phí mua sữa để thực hiện Chương trình theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

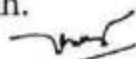
## CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 4. Định mức uống sữa hỗ trợ**

Đối tượng tham gia Chương trình được uống 03 hộp sữa/tuần/đối tượng. Mỗi hộp sữa có thể tích 180 ml.

### **Điều 5. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Doanh nghiệp cung ứng sữa hỗ trợ 25% kinh phí theo giá mua sữa cho tất cả các đối tượng tham gia Chương trình.



2. Ngân sách địa phương hàng năm (gồm ngân sách tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố):

a) Hỗ trợ 75% kinh phí theo giá mua sữa cho tất cả các đối tượng tham gia Chương trình thuộc 03 huyện miền núi, các xã bãi ngang, xã đảo và đối tượng thuộc hộ nghèo. Gia đình của các đối tượng này không phải đóng góp kinh phí mua sữa.

b) Hỗ trợ 25% kinh phí theo giá mua sữa cho tất cả các đối tượng còn lại tham gia Chương trình. Gia đình các đối tượng này đóng góp 50% kinh phí theo giá mua sữa.

**Điều 6. Mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố để bảo đảm thực hiện Chương trình**

1. Năm 2018: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% cho 11 huyện, thị xã, thành phố.

2. Năm 2019 đến năm 2020, ngân sách tỉnh hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% cho 3 huyện miền núi: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão.

b) Hỗ trợ 70% cho 2 huyện trung du: Hoài Ân và Tây Sơn.

c) Hỗ trợ 50% cho 05 huyện, thị xã khu vực đồng bằng: Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn và An Nhơn.

d) Hỗ trợ 20% cho thành phố Quy Nhơn.

**Điều 7. Thời gian thực hiện**

Từ tháng 9/2018 đến hết tháng 12/2020 (05 học kỳ, tương đương 90 tuần theo năm học).

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh**

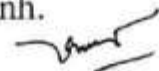
1. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình.

b) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thuộc ngành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát về chất lượng sản phẩm sữa, các điều kiện bảo quản sữa nhằm bảo đảm chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm; hướng dẫn nhân viên các điểm tiếp nhận và cấp phát sữa của Chương trình cách kiểm tra giám sát chất lượng sữa, bảo quản sữa bằng phương pháp thông thường; chỉ đạo xử lý các sự cố về an toàn thực phẩm nếu có xảy ra.

c) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, doanh nghiệp cung ứng sữa tập huấn nâng cao năng lực thực hiện Chương trình cho cán bộ quản lý, giáo viên, y tế trường học của các cơ sở giáo dục mầm non tham gia Chương trình.

d) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.



## 2. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Hàng năm, xây dựng, phê duyệt kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; thống kê đối tượng, lập dự trù tổng kinh phí thực hiện Chương trình gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền.

b) Chỉ đạo tổ chức rà soát đối tượng, lựa chọn cơ sở mầm non đủ điều kiện tham gia Chương trình; hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt danh sách cơ sở giáo dục mầm non, số lượng đối tượng tham gia Chương trình.

c) Tổ chức đấu thầu tập trung để mua sữa thực hiện Chương trình theo Luật Đấu thầu; công bố thỏa thuận khung để Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố ký kết hợp đồng mua sữa và thanh toán trực tiếp với doanh nghiệp trúng thầu cung ứng sữa theo đúng quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và doanh nghiệp cung ứng sữa tổ chức tập huấn, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chương trình cho cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ y tế trường học của các cơ sở giáo dục mầm non tham gia Chương trình.

đ) Tổ chức tuyên truyền và chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động truyền thông nhằm huy động sự tham gia của gia đình đối tượng, sự ủng hộ của các cấp chính quyền, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương trong thực hiện Chương trình.

## 3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình theo kế hoạch hàng năm; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

## 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành, đơn vị liên quan cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình theo kế hoạch hàng năm.

## 5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

a) Hàng năm, thống kê, cung cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo số liệu cụ thể về các đối tượng thuộc hộ nghèo trên địa bàn triển khai Chương trình.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế triển khai các hoạt động liên quan thuộc phạm vi Chương trình.

## 6. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan truyền thông đại chúng triển khai các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân về ý nghĩa, vai trò, lợi ích và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Chương trình.



### **Điều 9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các phòng, ban có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình của địa phương; phê duyệt danh sách các cơ sở giáo dục mầm non đủ điều kiện triển khai Chương trình, phê duyệt số lượng đối tượng tham gia Chương trình trên địa bàn quản lý.

2. Hàng năm, lập dự trù kinh phí thực hiện Chương trình của địa phương gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp.

3. Bảo đảm kinh phí thực hiện hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành để triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn quản lý.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Giáo dục và Đào tạo: Ký kết hợp đồng mua sữa và thanh toán trực tiếp với doanh nghiệp cung ứng sữa; thực hiện việc thanh quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo.

5. Chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn và định kỳ báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo).

### **Điều 10. Các cơ sở giáo dục mầm non tham gia Chương trình**

1. Xây dựng, thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tại cơ sở theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, huyện.

2. Tổ chức tuyên truyền, vận động gia đình các đối tượng tham gia Chương trình; chịu trách nhiệm thu khoản kinh phí đóng góp của gia đình đối tượng để mua sữa thực hiện Chương trình nộp về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

### **Điều 11. Doanh nghiệp cung ứng sữa**

1. Bảo đảm hỗ trợ 25% kinh phí mua sữa để thực hiện Chương trình.

2. Bảo đảm chất lượng sữa cung ứng để thực hiện Chương trình theo đúng quy định của Bộ Y tế.

3. Chịu trách nhiệm cung ứng sữa cho các cơ sở giáo dục mầm non thực hiện Chương trình theo đúng hợp đồng ký kết với các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Quốc Dũng**